TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09-03-2026
"*Vv: Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Đăng Mạnh

Ông Phạm Văn Chữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXX -HNGD ngày 30 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2026/QĐST-HNGD ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tô Văn T, sinh ngày 19/9/1978; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

CCCD: 0240.7800.5459

Địa chỉ: Thôn H, xã S, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Lường Thị L, sinh ngày 12/8/1984; (vắng mặt)

CCCD: 0111.8400.5592

Địa chỉ: Thôn H, xã S, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/10/2025, những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Tô Văn T trình bày:

Anh và chị Lường Thị L kết hôn với nhau ngày 09/12/2024, đăng ký kết hôn tại UBND xã S (Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2024). Trước khi kết hôn anh và

chị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn thì chị L về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống với anh được một thời gian. Đến đầu năm 2025 chị L bỏ đi không ở cùng anh nữa. Anh gọi điện cho chị L vẫn nghe máy nhưng chị L không về ở cùng anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lường Thị L.

Về con chung: Anh và chị L chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh và chị L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lường Thị L đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Lường Thị L không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Tô Văn T, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của chị Lường Thị L được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là anh Tô Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chị Lường Thị L vắng mặt lần 2 không có lý do.

HĐXX công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung 2025;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Tô Văn T được ly hôn với chị Lường Thị L

- Về án phí: Anh Tô Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Tô Văn T khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh giải quyết ly hôn với chị Lường Thị L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã S, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Anh Tô Văn T và chị Lường Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã S ngày 09/12/2024, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Tô Văn T và chị Lường Thị L là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn và hiện vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2025. Chị L không có ý kiến gửi Tòa án về việc anh T làm đơn ly hôn. Qua xác minh tại địa phương xác định anh T và chị L đã ly thân từ đầu năm 2025, hiện chị L không ở cùng anh T. HĐXX thấy: Thực tế anh T và chị L không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, không sống chung cùng nhau là không đảm bảo theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh T và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh Tô Văn T được ly hôn chị Lường Thị L.

[4]. Về con chung: Anh Tô Văn T và chị Lường Thị L chưa có con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Tô Văn T và chị Lường Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Tô Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự anh Tô Văn T, chị Lường Thị L có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung 2025;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Văn T.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Tô Văn T và chị Lường Thị L được ly hôn.

2. Về án phí: Anh Tô Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000999 ngày 02/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- THADS khu vực 5 - Bắc Ninh;
- Đương sự;
- UBND xã Sơn Hải (số 38/2024);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Công Định